TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4, TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2026/DS-ST

Ngày: 19-05-2026

"V/v Tranh chấp Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng."

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Hoàng**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Vũ Ngọc Thanh.**

Ông **Nguyễn Phạm Hùng.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thái Trâm Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Xuân Lành** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 05 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 4, TP Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 493/2025/TLST - DS ngày 03 tháng 12 năm 2025 về *"Tranh chấp hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2026/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 03 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2026/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ngân hàng TMCP S; địa chỉ: 2 N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Hữu T - Chức vụ: Chuyên viên. Địa chỉ: 1 B, phường H, thành phố Đà Nẵng (Theo Giấy ủy quyền số 19.5/GUQ-CNĐN ngày 19/05/2026).

- Bị đơn: Ông Tăng Tấn Hoàng B, sinh năm 1980; địa chỉ: G N, phường H, thành phố Đà Nẵng. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/06/2025 và các bản tự khai ngày 20/06/2025 và tại phiên tòa sơ thẩm thì nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S ông Nguyễn Hữu T trình bày:*

- Ngân hàng TMCP S (S1) - Chi nhánh Đ có ký hợp đồng với Ông Tăng Tấn Hoàng B, CCCD số: 048080000486 ngày cấp 22/04/2021; nơi cấp: Cục C; địa chỉ hiện tại: G N, Quận L, Tp Đà Nẵng theo Hợp đồng thẻ tín dụng ký ngày 18/01/2024 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

- Căn cứ thu nhập của Ông Tăng Tấn Hoàng B, Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng 100,000,000 đồng với mục đích: tiêu dùng cá nhân, thông qua khoản vay.

- Đối với thẻ tín dụng quốc tế Cre Platinum 455376 - 2646.

- Đến ngày 25/11/2024, Ông Tăng Tấn Hoàng B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền: 544,510,000 đồng. Ông Tăng Tấn Hoàng B đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền: 456,134,278 đồng. Trong đó, phí: 1,499,000 đồng, phí trễ hạn: 413,920 đồng, lãi phát sinh: 9,711,358 đồng và thanh toán gốc: 444,510,000 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

- Đến ngày 25/03/2025, Ông Tăng Tấn Hoàng B vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của Ông Tăng Tấn Hoàng B và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 19/05/2026, ông Tăng Tấn Hoàng B còn nợ Ngân hàng:

+ Dư nợ :100,000,000 đồng.
+ Lãi trong hạn: 7,765,064 đồng.
+ Lãi quá hạn: 55,875,000 đồng
Tổng cộng : 163,640,064 đồng.
Lãi suất trong hạn: 2.48%/tháng.
Lãi suất quá hạn: 3.72%/tháng (2.48% x 150%)

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông Tăng Tấn Hoàng B có trách nhiệm thanh toán. Tuy nhiên, Ông Tăng Tấn Hoàng B vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm các Điều khoản và Điều kiện đã qui định tại Hợp đồng.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

1. Buộc ông Tăng Tấn Hoàng B phải trả ngay cho Ngân hàng với tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/05/2026 là 163,640,064 đồng. Trong đó:

- Dư nợ : 100,000,000 đồng.
- Lãi trong hạn:: 7,765,064 đồng.

- Lãi quá hạn: 55,875,000 đồng.

2. Buộc Ông Tăng Tấn Hoàng B phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 20/05/2026 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký.

* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Tăng Tấn Hoàng B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông B1 vắng mặt vì lý do đang chấp hành án tại trại giam A, thành phố Đà Nẵng và có đơn xin xét xử vắng mặt kèm theo bản tự khai trình bày như sau:

- Vào ngày 18/1/2024, tôi và ngân hàng TMCP S – chi nhánh Đ có ký hợp đồng gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này gọi chung là hợp đồng.

- Đối với thẻ tín dụng quốc tế Cre Signature 455376 – 2646

- Đến ngày 25/01/2025, tôi đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 560.010.000 đồng, tôi đã thanh toán cho ngân hàng 475.608.456 đồng. Trong đó, phí: 1.869.450 đồng, phí trễ hạn 927,165 đồng, lãi phát sinh 14,297,124 đồng và thanh toán gốc 458,514,717 đồng.

- Tính đến ngày 20/06/2025, tôi còn nợ ngân hàng tổng số tiền là 119,266,360 đồng, trong đó nợ gốc 107,765,064 đồng và nợ lãi quá hạn 11,501,296 đồng. Tôi sẽ tác động gia đình thanh toán số nợ cho ngân hàng.

- Tôi đề nghị Toà án xét xử vắng mặt tôi về các khoản nợ của ngân hàng, tôi đồng ý trả các khoản nợ của ngân hàng.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, căn cứ Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015, buộc ông Tăng Tấn Hoàng B thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày 19/05/2026 là: 163,640,064 đồng (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi nghìn không trăm sáu mươi tư đồng); Dư nợ 100,000,000 đồng; Lãi trong hạn: 7,765,064 đồng; Lãi quá hạn: 55,875,000 đồng và số tiền lãi và phí phát sinh kể từ ngày 20/05/2026 cho đến khi tất toán xong hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1].*Về thẩm quyền giải quyết*: Ông Tăng Tấn Hoàng B; Địa chỉ: G N, phường H, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc Tòa án nhân dân Khu Vực 4 - TP Đà Nẵng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa đổi bổ sung 2025.

[1.2]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Ngân hàng TMCP S khởi kiện đối với ông Tăng Tấn Hoàng B về việc yêu cầu ông B trả số tiền vay. Do đó, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng"* khoản 15 Điều 4 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Sửa đổi, bổ sung 2025.

[1.3] ***Về sự vắng mặt của bị đơn***: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Tăng Tấn Hoàng B nhưng ông B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai vì lý do đang chấp hành án tại Trại giam A, TP Đà Nẵng và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn.

[2] ***Về nội dung tranh chấp***:

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S được ký kết với ông Tăng Tấn Hoàng B vào ngày 18/01/2024 là giao dịch dân sự, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự phù hợp với các điều 116, 117, 119 của Bộ luật dân sự 2015; nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch.

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng trên là hợp đồng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản là thẻ tín dụng ngân hàng, thanh toán không thông qua tiền mặt, Ngân hàng cấp cho ông B thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 2.48 %/tháng, lãi suất quá hạn 3.72 % (2.48 %/tháng x 150%).

Trong qúa trình vay ông B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền: 544,510,000 đồng. Ông Tăng Tấn Hoàng B đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền: 456,134,278 đồng. Trong đó, phí: 1,499,000 đồng, phí trễ hạn: 413,920 đồng, lãi phát sinh: 9,711,358 đồng và thanh toán gốc: 444,510,000 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

- Đến ngày 25/03/2025, ông Tăng Tấn Hoàng B vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông Tăng Tấn Hoàng B và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 19/05/2026, ông Tăng Tấn Hoàng B còn nợ Ngân hàng:

+ Dư nợ :100,000,000 đồng; Lãi trong hạn: 7,765,064 đồng; Lãi quá hạn: 55,875,000 đồng; Tổng cộng : 163,640,064 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó HĐXX căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 463, 465 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc bị đơn ông Tăng Tấn Hoàng B trả số nợ nói trên là có căn cứ.

[3].Đối với lời đề nghị của VKS: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn; xét thấy phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm là: 8.182.000 đồng; căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí.

***Vì các lẽ trên*;**

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

-Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025; Khoản 15 Điều 4; Điều 91; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 463, 465, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với **Tăng Tấn Hoàng B** về *"Tranh chấp hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng"*.

Buộc **Tăng Tấn Hoàng B** thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày 19/05/2026 là: 163,640,064 đồng (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi nghìn không trăm sáu mươi tư đồng); Dư nợ 100,000,000 đồng; Lãi trong hạn: 7,765,064 đồng; Lãi quá hạn: 55,875,000 đồng và tiếp tục tính lãi, phí tiếp

kể từ ngày 20/5/2026 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký ngày 18/01/2024.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 8.182.000 đ (Tám triệu một trăm tám mươi hai đồng) ông Tăng Tấn Hoàng B phải chịu. Hoàn trả cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.981.000 đồng (*Hai triệu chín trăm tám mươi mốt nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0006480 ngày 02/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND Khu vực 4;*
- *THADS Đà Nẵng – Khu vực 4;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TAND KHU VỰC 4

ZDU190526.TL.QDBA 1372

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠTHẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đức Hoàng